CTCP Nhựa Tân Đại Hưng (HSX: TPC)

FireAnt

Ngày 31/03/2025	11,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.3%	**49.3%**	**83.1%**

ROE — 2024: **4.1%** | +/- YoY: ▲ 19.7%

DT thuần — *Q1/25*: **110** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 9.00, ▼ 7.6% | YoY: ▲ 22.1, ▲ 25.1%

DT thuần — *2024*: **437** *tỷ VNĐ* | YoY: ▼ 130, ▼ 23.0%

LN gộp — *Q1/25*: **11.2** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 1.96, ▲ 20.9% | YoY: ▲ 3.32, ▲ 41.8%

LN gộp — *2024*: **34.8** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 48.3, ▲ 357%

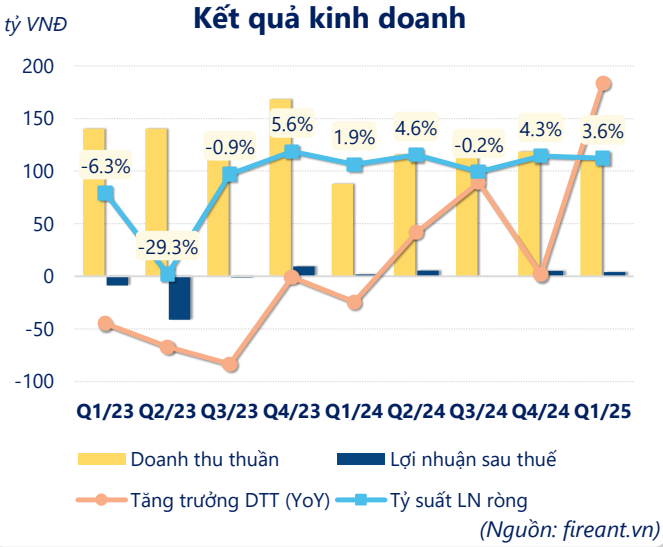
LN thuần — *Q1/25*: **6.55** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 4.05, ▲ 162% | YoY: ▲ 5.01, ▲ 325%

LN thuần — *2024*: **7.31** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 56.8, ▲ 115%

LN sau thuế — *Q1/25*: **4.01** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 1.10, ▼ 21.5% | YoY: ▲ 2.31, ▲ 136%

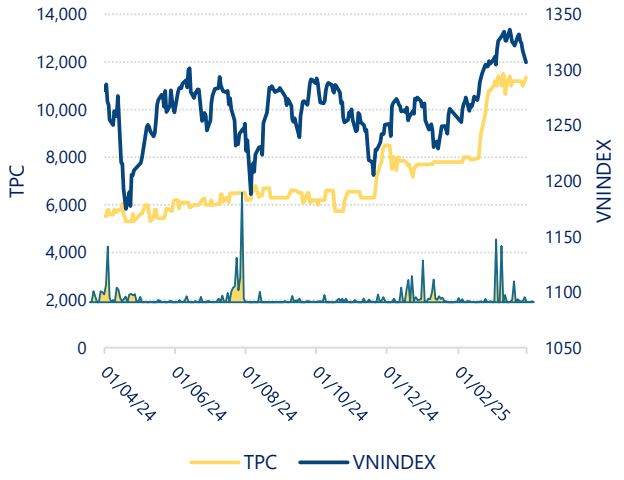
LN sau thuế — *2024*: **11.9** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 60.7, ▲ 124%

Kết quả kinh doanh



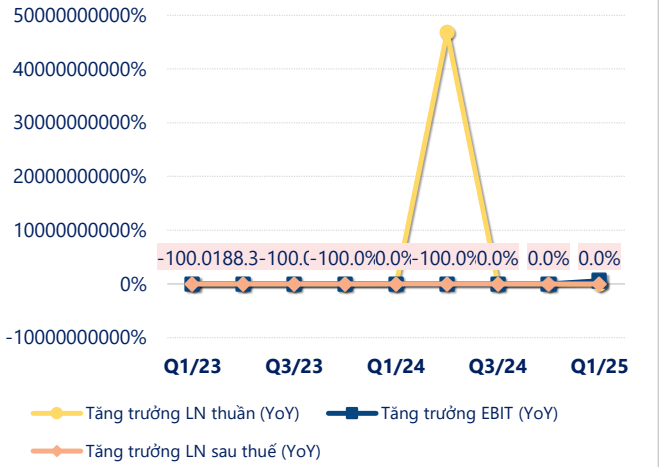
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



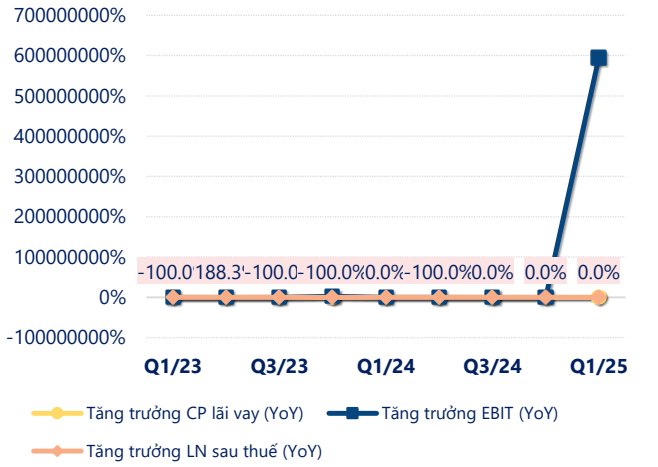
CTCP Nhựa Tân Đại Hưng (HSX: TPC)

Tăng trưởng lợi nhuận



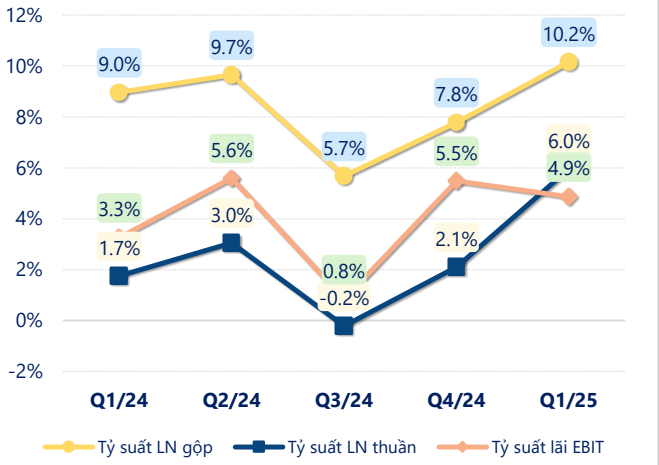
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



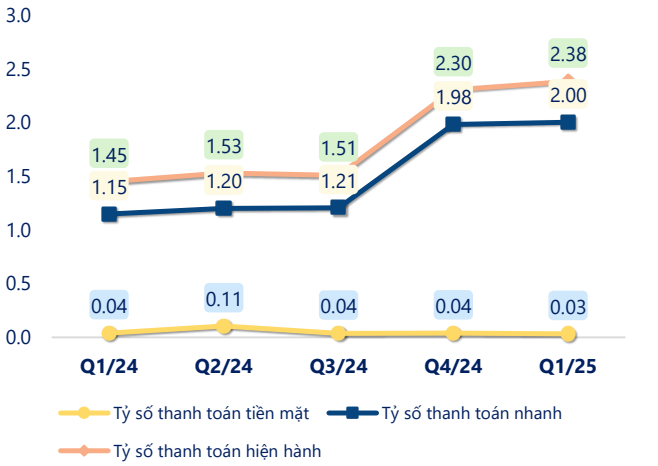
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



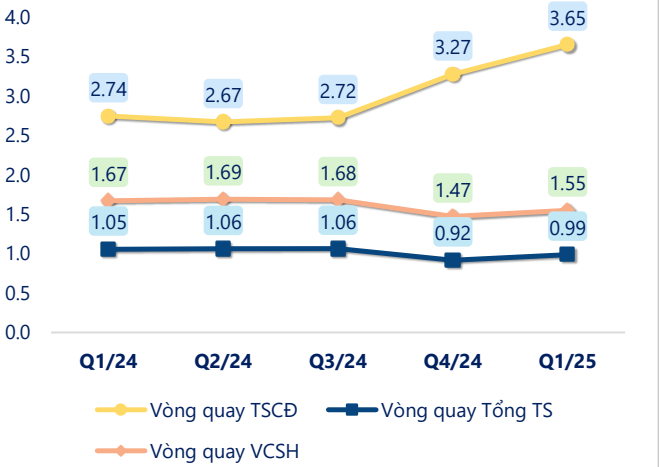
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



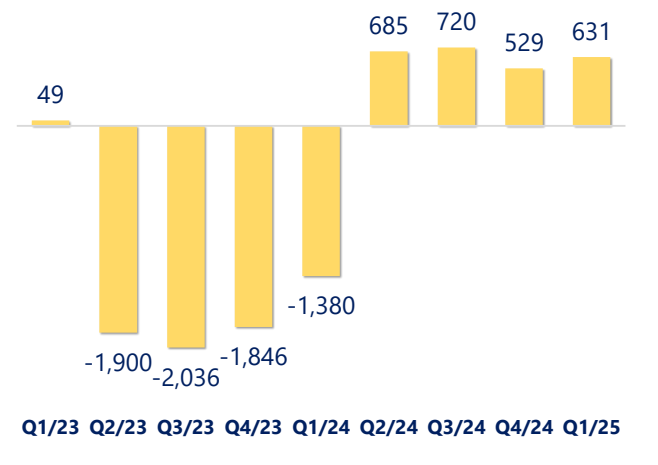
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

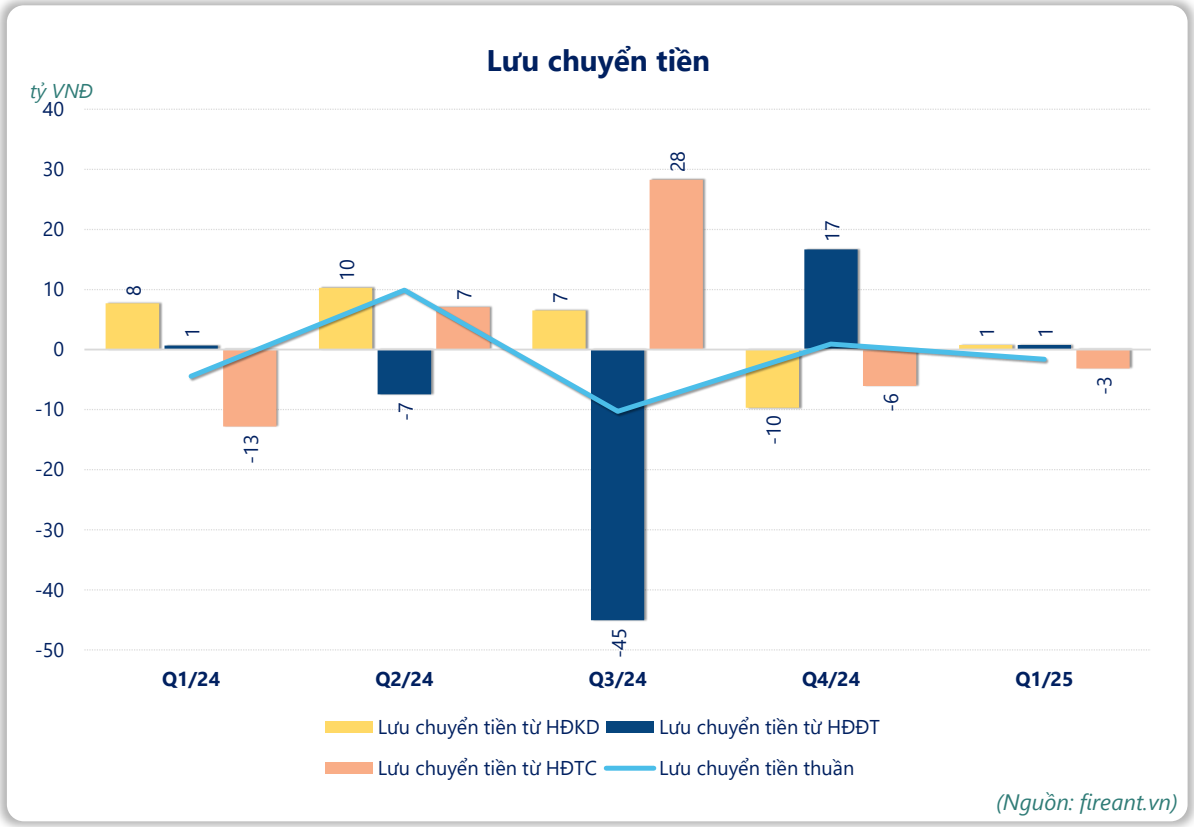


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng (HSX: TPC)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**110**	**87.9**	**25.1%**	**437**	**567**	**-23.0%**
Giá vốn hàng bán	98.8	80.0	23.5%	402	581	-30.8%
Lợi nhuận gộp	11.2	7.88	41.8%	34.8	-13.5	357%
Doanh thu HĐTC	3.40	1.39	145%	6.68	7.85	-15.0%
Chi phí TC	1.34	1.16	15.2%	5.09	9.69	-47.5%
Chi phí lãi vay	1.34	1.16	15.2%	4.89	9.01	-45.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.44	2.45	40.4%	14.3	14.2	0.7%
Chi phí QLDN	**3.26**	**4.11**	**-20.8%**	**14.7**	**19.9**	**-26.1%**
LN thuần từ HĐKD	6.55	1.54	325%	7.31	-49.5	115%
Lợi nhuận khác	**-2.53**	**0.17**	**-1591%**	**4.60**	**4.52**	**1.8%**
LN trước thuế	4.01	1.70	136%	11.9	-45.0	126%
Lợi nhuận sau thuế	**4.01**	**1.70**	**136%**	**11.9**	**-48.8**	**124%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.01**	**1.70**	**136%**	**11.9**	**-48.8**	**124%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)